

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09- 03 - 2018
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng và bà Lê Thị Quỳnh Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cang – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 346/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09-02-2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1989;

Hộ khẩu thường trú: Số X khu phố Y, phường P T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Địa chỉ: Tổ 9, Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông Hoàng Trọng N, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số X khu phố Y, phường P T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Bà C có mặt, ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Thị C tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị C và ông Hoàng Trọng N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường PT, thị xã (nay là thành phố B), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số XX ngày 20-07-2009.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà C chung sống cùng với gia đình ông N tại phường PT, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do ông N thường xuyên ăn nhậu, không quan

tâm vợ con, vợ chồng có nhiều bất đồng, tranh cãi dẫn đến tình cảm rạn nứt. Cuộc sống chung ngày càng ngột ngạt, từ đầu năm 2017 bà C và ông N sống ly thân cho đến nay. Nay bà C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Con chung: Có 02 con chung là cháu Hoàng Thụy Tr G, sinh ngày 13-06-2009 và cháu Hoàng G H, sinh ngày 06-11-2014. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Bà C xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Hoàng Trọng N trình bày:

Về điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng, ông N đồng ý với lời trình bày của bà C. Theo ông N, từ năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do kinh tế khó khăn, bà C còn tham gia mạng xã hội facebook, kết bạn với nam giới ông không chấp nhận dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên bà C bỏ về nhà mẹ ruột tại tỉnh Tiền Giang sinh sống. Tháng 6/2017, ông N về nhà vợ sinh sống để đoàn tụ nhưng ông chỉ sống cùng vợ được khoảng 2 tháng rồi trở về lại Bà Rịa do không thể hàn gắn được tình cảm. Ông N xét thấy vẫn còn yêu thương vợ con nhưng vì bà C kiên quyết ly hôn nên ông N đồng ý ly hôn với bà C.

Về con chung: Có 02 con chung như bà C trình bày. Trong trường hợp Tòa giải quyết ly hôn, ông N yêu cầu Tòa án giao một trong hai con chung cho ông trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông N và bà C không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định đến lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: cho bà C được ly hôn với ông N; theo nguyện vọng của con chung cần giao cả 02 con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, bà C không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên cần công nhận. Về án phí: bà C nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].- Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa bà C và ông N là tranh chấp ly hôn, bị đơn hiện đang sinh sống tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Hoàng Trọng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần hai nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử vắng mặt ông N theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] - Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND phường P T, thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày 20-07-2009. Cuộc sống chung sống giữa ông bà hạnh phúc thời gian đầu, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế gia đình gặp khó khăn nhưng vợ chồng không cùng tìm cách giải quyết, bất đồng dẫn đến cãi vã tình cảm vợ chồng rạn nứt. Qua xác minh tại khu dân cư đã xác định: bà C ông N trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, hiện vợ chồng đã sống ly thân, ông N sinh sống tại thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu còn bà C cùng hai con chung sống lại nhà mẹ ruột tại tỉnh Tiền Giang, không ai quan tâm ai. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà C vẫn xin được ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà C, ông N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự thương yêu tôn trọng nhau. Vì vậy, áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của bà C về việc ly hôn với ông Nghĩa.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Hoàng Thụy Tr G, sinh ngày 13-06-2009 và cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 06-11-2014. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, ông N cầu được nuôi một trong hai con chung. Lời khai của cháu Tr G tại Tòa là mong muốn tiếp tục được sống cùng mẹ và em. Xét từ khi vợ chồng sống ly thân thì cả hai con chung đều ở và do bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên cần giao cả hai con chung cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng để tránh sự xáo trộn cuộc sống của các cháu, không chấp nhận yêu cầu của ông N là giao cho ông nuôi một trong hai con chung. Việc bà C không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên công nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà C nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với ông Hoàng Trọng N về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”.

1- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Hoàng Trọng Nghĩa.

2- Về con chung: Bà Nguyễn Thị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Hoàng Thụy Tr G, sinh ngày 13-06-2009 và cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 06-11-2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Nguyễn Thị C không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, ông Hoàng Trọng N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3-Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4- Về án phí: Bà Nguyễn Thị C nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0008635 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Như vậy, bà Nguyễn Thị C đã nộp xong án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/3/2018), đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THADS thành phố Bà Rịa;
- UBND phường P T, tp B, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lý Thị Lệ Thủy